

Phẩm 11: THẬP TRÚ

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Bồ-tát là con người, Thập Trú là pháp, nghĩa là đạt được phần vị không lui sụt cho nên nói là Trú. Pháp của Trú thích hợp dựa vào tròn vẹn thì nói là mười, tức là Đối số thích. Lại nữa, mười pháp Trú này là Bồ-tát vốn có, là Hữu tài thích. Lại nữa, Trú của Bồ-tát, là Y chủ thích. Lại nữa, Bồ-tát tức là Trú, là Trì nghiệp thích.

Hỏi: Ngoại phạm trước đây trong phẩm Hiền Thủ chỉ dựa theo tên gọi con người, phần vị Thánh ở Thập Địa sau này chỉ dựa theo tên gọi của pháp, ở trong này ba Hiền thuộc nội phạm thì con người và pháp hợp lại làm tên gọi là thế nào?

Đáp: Trước đây phần vị chưa thành tựu cho nên dựa vào tên gọi của con người và pháp, phần vị ba Hiền còn kém cho nên con người và pháp hợp lại làm tên gọi, phần vị Thánh rõ ràng cho nên chỉ dựa theo tên gọi của pháp, đây cũng là tướng thi thiết dần dần tăng thêm.

Hỏi: Đều là con người và pháp hợp lại làm tên gọi, vì sao Thập Hạnh-Thập Hồi Hương nêu ra tên gọi con người riêng biệt, trong này đưa ra tên gọi gồm chung con người và pháp?

Đáp: Ở trong phần vị Hiền có ba, đó là Hạ-Trung-Thượng, đây là Hạ phẩm, thua kém cho nên nêu ra tên gọi gồm chung; Thập Hạnh là Hiền thuộc Trung phẩm vốn là tiếp theo, tuy nêu ra tên gọi riêng biệt nhưng dựa theo nghĩa ít thay đổi tên gọi là Hoa Tụ...; Hồi Hương là Hiền thuộc Thượng phẩm vốn là hơn hẳn, xứng với riêng biệt vốn có nêu ra tên gọi là Kim Cang Tràng Hồi Hương.

B. Ý: đưa ra, là nghĩa về phần Tựa đã làm sáng tỏ, phần Chánh tông cần phải hiển bày cho nên tiếp tục đưa ra.

C. TÔNG THÚ: là pháp của Thập Trú là Tông, dựa vào đây đạt được quả là Thú, nghĩa còn lại nói như trong phần chính.

D. GIẢI THÍCH VẤN: ngay trong phần Chánh tông có bốn phẩm phân hai: Ba phẩm đầu là hành đức của phần vị này (đương vị), một phẩm sau là thắng tiến hướng về sau.

Trong phần trước, ba phẩm tức là ba đoạn: Phẩm đầu trình bày về phần vị, phẩm tiếp trình bày về công hạnh, phẩm sau ca ngợi về công đức. Lại đầu là hiểu rõ, tiếp là thực hành, sau là hiển bày công đức, giống như ba phẩm Minh Nạn... trước đây.

Hỏi: Vì sao Hội trước không có riêng biệt thắng tiến hướng về sau, mà trong này có?

Đáp: Trong này bởi vì thành tựu phần vị, bởi vì hơn hẳn trước đây, vả lại Tín trước đây không có phần vị toàn bộ là hướng về, Trú vốn là phương tiện, nay phần vị này thành tựu, vì thế cho nên có riêng phương tiện tiến về sau.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao sau phẩm Hồi Hướng không có thắng tiến?

Đáp: Bởi vì đầy đủ phần vị thế gian cho nên không cần đến. Lại tổng quát thấu nhiếp các phần vị trước, vốn là làm phương tiện của chúng.

Ngay trong phẩm này có bảy phần: 1) Phần Tam-muội; 2) Phần gia hộ; 3) Phần phát khởi; 4) Phần căn bản; 5) Phần thuyết giảng; 6) Phần chứng thành; 7) Phần kệ tụng.

Trong phần một vì sao nhập Định thì có sáu ý: Một, vì Tam-muội này là Thể của pháp; hai, hiển bày không phải là chứng thì không thuyết giảng; ba, hiển bày pháp này không phải là cảnh của suy nghĩ; bốn, xét căn cơ biết rõ thuốc; năm, bởi vì được Phật gia hộ; sáu, bởi vì hiển bày chư Phật cùng thuyết giảng.

Trong văn có bốn: Một- Phân rõ về người nhập Định, vì sao Pháp Tuệ nhập Định, bởi vì là đứng đầu chúng, vị khác nhập Định thì rối loạn cho nên chúng không điều phục được, hiển bày Pháp Tuệ ở Thập Trú có thể thuyết giảng; hai-Hiển bày không phải là lực của mình; ba-Trình bày về Định đã đạt được đó là lựa chọn quả Phật cho nên nói là Bồ-tát, quán giải khéo léo cho nên nói là phương tiện, tức là pháp của Trú, phương tiện nhiều cách cho nên nói là vô lượng, tức là mười loại; bốn-Tiếp nhận pháp vào tâm cho nên nói là Chánh thọ.

Trong phần hai là phần gia hộ có ba: Một-Tổng quát phân rõ về chủ động gia hộ; hai-Hiển bày gia hộ bằng việc làm; ba-Chính thức trình bày về tướng gia hộ.

Trong phần một có sáu:

1) Hiển bày xứ sở gần xa của Phật chủ động gia hộ.

2) Số lượng chư Phật chủ động gia hộ, Luận nói: Vì sao nhiều Đức Phật gia hộ? Bởi vì hiển bày do pháp và Pháp sư mà tăng trưởng tâm cung kính, lại muốn hiển bày về chư Phật cùng thuyết giảng, là vì nương theo thần lực của chư Phật, từ Pháp Tuệ này thuyết giảng tức là tất cả chư Phật thuyết giảng. Đây vốn là gồm chung hai thuyết về nhân quả.

3) Hiển bày danh hiệu của Phật giống nhau thì có bốn ý: Một là trình bày về pháp đạt được vốn không khác nhau; hai là Bồ-tát ấy nghe các Đức Như Lai cùng tên gọi với mình cho nên lại thêm vui mừng; ba

là hiển bày nhân quả trong Trú vốn giống nhau; bốn là chỉ riêng chư Phật ở trong môn Trú này chủ động gia hộ biểu hiện rõ ràng đều là tên gọi Pháp Tuệ, bởi vì pháp lực, bởi vì pháp vốn như vậy.

4) Ca ngợi đạt được Định này, mới có năng lực là lời nói mong mỗi dâng cao, trình bày hiếm có người có thể tiến vào Tam-muội này.

Hỏi: Vì sao chư Phật ở giữa Đại chúng khen ngợi về nhập Định này?

Đáp: Bởi vì lúc ấy Pháp Tuệ im lặng tiến vào Định này, vì Đại chúng không biết đã tiến vào là pháp gì, không có tâm khao khát ngưỡng mộ, không thể nào nói cho biết, vì vậy chư Phật đưa ra tên gọi của Tam-muội, ở trước Đại chúng khen ngợi làm khởi tâm mong muốn ưa thích của Đại chúng.

5) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về đạt được Định làm chỗ dựa, nghĩa là chư Phật ấy tự nói, nhờ vào lực gia hộ đã thực hiện mà khiến cho đạt được Định này.

6) Từ “Hựu Lô-xá-na...” trở xuống là Đức Phật ấy tự giải thích về nguyên cố thực hiện gia hộ, có ba câu: Một-Do lực bốn nguyện của Lô-xá-na khiến cho Ta thực hiện gia hộ, theo Địa Luận giải thích: “Lô-xá-na trong quá khứ đã từng thấy có một Đức Phật Lô-xá-na, gia hộ cho một Bồ-tát Pháp Tuệ thuyết về pháp Thập Trú, lúc ấy chư Phật chủ động gia hộ cùng tên gọi là Pháp Tuệ, nhân đó liền phát nguyện: Nguyện con thành Phật cũng có sự việc này, nay thành tựu như bốn nguyện, cho nên gia hộ mà thôi.” Hai-Cũng là thần lực của Lô-xá-na hiện tại cảm ứng cùng nhau gia hộ. Ba-Là tự thiện căn của Pháp Tuệ thuần thực, có thể thuyết pháp lợi ích cho Đại chúng, trên cảm đến chư Phật cho nên cùng nhau gia hộ. Tóm lược không có lực cơ cảm của đại chúng, ở Hội sau có đủ. Vả lại, nguyện vốn có của Lô-xá-na hiển bày về gốc rễ sâu xa của pháp, nghĩa là từ xa xưa đến nay tu về pháp Trú này, nghĩ rằng vào lúc này vì căn cơ mà tuyên thuyết. Uy thần lực là chính thức hiển bày về lúc này trao truyền. Trên đây là lực của Hóa chủ. Dưới đây là một lực của Trợ hóa, hiển bày nhân quả cùng dung hòa, chủ-bạn hợp lại phân rõ, để thành tựu sự việc hóa độ mà thôi.

Trong phần hai là hiển bày gia hộ bằng việc làm, câu đầu là tổng quát, chín câu tiếp là riêng biệt, một câu sau cuối là kết luận, đồng-dị-thành-hoại dựa theo có thể biết.

Trong riêng biệt: Một- Tăng trưởng Chân tuệ-Phật tánh vốn có, khiến cho hưởng về quả Phật thành tựu không lui sụt; đây là dựa theo trí. Hai- Mở thông chân lý pháp giới ở trong ràng buộc, khiến cho có

thể hiện bày rõ ràng; đây là dựa theo cảnh. Lại vốn là khai mở rõ ràng giải thích về lý của pháp giới. Ba-Phân tích về tánh loại của chúng sinh, khiến cho phân rõ những phần vị ở Thập Trú vốn đều sai biệt, lại biết năm tánh sai biệt; đây là dựa theo hậu trí. Và lại, Giới của chúng sinh tức là Như Lai Tạng, phân biệt vốn là hiểu rõ nhân, lại vốn là giải thích, lại phân biệt Xứ của một chúng sinh thì có tất cả chúng sinh và tất cả các pháp môn... Bốn-Dựa theo Nhất thừa, tức là đối trị diệt tánh, diệt ba chương-bốn chương-sử-tập..., Tam thừa trừ bỏ Ngã chấp của ngoại đạo, chương ngại tâm tối trong tâm; đây là dựa theo Đoạn đức. Năm-Vô minh chương ngại không còn, trí tiến sâu vào chân cảnh, cho nên nói là tiến vào cảnh vô ngại, lại tiến vào cảnh Nhân-đà-la cho nên nói là vô ngại; đây là dựa theo thắng tiến hòa vào cảnh của quả. Sáu-Khéo léo tiến vào trí của quả, thâm nhiếp tổng trì lẫn nhau; đây là dựa theo tiến vào trí của quả, tức là tiến vào trí bí mật. Bảy-Soi chiếu rõ ràng chân-tục; đây là dựa theo dụng của trí. Tám-Biết căn của chúng sinh chưa thuần-thuần thực nhiều loại, lại biết cùng là Như, lại biết một căn tức là tất cả các căn, như căn đục-tánh hải... Chín-Xứng với căn nói pháp, tùy ý duy trì căn tánh khiến cho không sai lạc, lại giữ hành không sai lầm-giữ nghĩa không phân tán, lại giữ pháp không diệt.

Câu sau cuối kết luận, nghĩa là nói rộng về pháp gì thành tựu những sự việc như vậy? Đó gọi là Bồ-tát Thập Trú.

Trong phần ba là tướng gia hộ, có ba nghiệp gia hộ: Đầu là gia hộ bằng miệng khuyến khích thuyết giảng để tăng thêm biện tài, tiếp là gia hộ bằng ý âm thầm che chở ích lợi cho trí, sau là gia hộ bằng thân thì tay xoa đỉnh đầu để tăng thêm uy lực. Vì sao trước phải gia hộ bằng miệng? Bởi vì phương tiện dựa vào lời nói đầu tiên.

Tiếp trong phần gia hộ bằng ý, có hai: Đầu là gia hộ, sau là giải thích.

Trong gia hộ có mười câu, một câu đầu là tổng quát, nghĩa là khiến cho ở giữa đại chúng thuyết pháp vô ngại, tức là vô ngại giải; chín câu riêng biệt hiển bày về vô ngại. Đồng-dị-thành-hoại có thể dựa theo đây. Một-Không có gì vướng mắc, vô ngại tức là biện tài không có gì vướng mắc. Hai-Lúc thuyết giảng không gián đoạn, nghĩa là không quên danh nghĩa, tức là tùy ý biện tài lưu loát, thuyết giảng không cần thứ tự, ngôn từ không đứt đoạn... Ba-Lúc thuyết giảng không xen tạp Vô minh, bởi vì không trái với Chánh lý. Bốn-Lý đã nói quyết định, lại bởi vì luận thuyết khác không có thể hủy hoại được. Năm-Khéo léo trong sáng không có sai lầm, nghĩa là bởi vì không mong cầu xấu xa như

danh lợi... Sáu-Đối với tất cả các pháp có thể tùy thuận thuyết giảng, lại bởi vì thông hiểu tất cả các nghĩa. Bảy-Vượt lên trên phần vị bên dưới, lại bởi vì người khác không có ai có thể vượt qua. Tám-Thuyết giảng không có gì chán ngán mỗi một, lại bởi vì lìa xa kiêu mạn. Chín-Lời nói không có hủy bỏ sai lầm, lại lời nói không có sai lạc nghĩa lý, lại lời nói không hủy bỏ tùy tiện.

Sau là giải thích về nguyên cơ gia hộ, chư Phật có uy lực-có Từ Bi, vì sao chỉ gia hộ cho Pháp Tuệ mà không gia hộ cho người khác? Giải thích có hai nhân: Một- Bởi vì đạt được Định lực; Hai- Bởi vì pháp vốn như vậy, nghĩa là như pháp của dòng nước chảy vốn như vậy hướng về phía dưới, nay điều này cũng như vậy, hễ có người có thể thuyết giảng về pháp Thập Trú, lý thường như vậy thần lực của chư Phật tuôn chảy tụ vào trong đó, cho nên nói như vậy.

Gia hộ bằng thân, xoa đỉnh đầu là bởi vì tăng thêm uy lực cho người ấy, khiến cho từ Định hiểu rõ, an ủi khiến cho thuyết giảng. Và lại, chư Phật ấy đều không đi đến nơi này, tay cũng không dài mà xoa đỉnh đầu của người này. Hơn nữa, tay của chư Phật đều hoàn toàn xoa đỉnh đầu của người ấy mà không trở ngại lẫn nhau, là pháp không thể nghĩ bàn của duyên khởi pháp giới.

Trong phần ba là phần phát khởi, có bốn ý: Một-Bởi vì đã nội chứng về pháp; hai-Bởi vì đã đạt được lực thù thắng; ba-Bởi vì lúc thuyết giảng đã đến; bốn-Bởi vì Định không có nói năng giảng giải, vì vậy cần phải phát khởi. Hội thứ nhất trước đây, Phổ Hiền bởi vì pháp của quả sâu xa vi tế, cho nên thuyết giảng trong Định, lại bởi vì hiển bày về Phổ Hiền tự tại; Hội này trình bày về nhân hạnh, cho nên dựa vào xuất Định.

Trong phần bốn là phần căn bản, có hai: Trước là Chứng căn bản, sau là Giáo căn bản; cũng là trước Thể-sau Tướng. Trong ban đầu, trước phải hướng về các phần vị trước-sau để phân tích, vì sao trong Tín không có nghĩa này? Bởi vì chưa thành tựu phần vị, bởi vì đây là Thể của phần vị. Vì sao ở đây gọi là chủng tánh cho đến Thập Địa gọi là thiện quyết định? Bởi vì phần vị này kém nhất dựa theo chủng tánh làm tên gọi, Thập Hạnh tiếp tục tăng lên dựa theo chủng tánh nương tựa đã phát khởi nghiệp hạnh làm tên gọi; Thập Hồi Hương lại tăng lên cho nên dựa theo Đại nguyên sau hành làm tên gọi, bởi vì hồi các hạnh trước đây hướng về Chứng đích thực; Thập Địa đã đạt được Chứng chân thật, chắc chắn vì vậy gọi là Thiện quyết định. Như vậy đều là Thể gồm chung trong phần vị, tùy theo phần vị dần dần tăng lên mà có sự

lên-xuống này, cho nên Thập Trú-Thập Hạnh không có Đại thiện quyết định là bởi vì yếu kém. Lại bởi vì ba Hiền thuộc phẩm Trung-Hạ, bởi vì yếu kém nhất cho nên chưa phân rõ về Đại Dụng này; lại bởi vì Tự lợi tăng lên, lại bởi vì dựa theo chủng tánh chưa hiện hành.

Nghĩa của chủng tánh sơ lược đưa ra ba môn:

1) Giải thích tên gọi, chủng là nghĩa về nhân, tánh là nghĩa về Thể; lại tánh là nghĩa về Tộc, gọi là chủng tộc; lại tánh là nghĩa về Loại, gọi là chủng loại.

2) Đưa ra Thể có hai: a) Tánh của Tánh chủng, b) Tánh của Tập chủng. Tánh chủng có hai môn: Một là dựa theo Hữu vi Vô thường môn, như luận Du-già nói: “Sáu xứ thù thắng từ vô thỉ lần lượt chuyển tiếp do pháp vốn như vậy mà có được...” Hai là dựa theo Vô vi Thường trú môn, như luận Bảo Tánh nói: “Tánh Chân như là như trong kinh nói về sáu căn tụ...” Tập tánh có-không có: a-Dựa theo Hộ Nguyệt nói chỉ là tánh vốn có; b) Thắng Quân nói chỉ là Tập tánh; c) Hộ Pháp nói có đủ hai loại; d) Như duyên khởi đều xa lìa.

3) Các môn phân biệt làm năm môn: Một là dựa theo Tánh-Tập trước sau, hai là dựa theo năm tánh, ba là dựa theo sáu tánh, bốn là dựa vào phần vị, năm là các giáo đều như giải thích riêng biệt. Lại phẩm Tánh Khởi nói: Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết trong thân đều có Bồ-đề của tất cả chư Phật. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tâm của Bồ-tát ấy không lìa xa Bồ-đề của tất cả Như Lai. Như trong tâm mình, trong tâm của tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, vô lượng vô biên, không nơi nào không có, không thể phá hoại, không thể nghĩ bàn.”

Trong văn có sáu câu: Một câu đầu là tổng quát, đó là trong năm chủng tánh lựa chọn loại bỏ tánh khác, cho nên nói là chủng tánh Bồ-tát. Năm câu sau là riêng biệt hiển bày về nghĩa của chủng tánh: 1) Rất sâu xa là nghĩa về sâu kín tinh mịch, một là dựa theo tánh Hữu vi, bởi vì tận cùng thời gian vị lai; hai là dựa theo tánh Vô vi, bởi vì pháp tánh Chân như lìa tướng-lìa tánh; ba là dựa theo Dụng, bởi vì sinh ra công đức thù thắng không thể hết được; bốn là xuyên suốt, bởi vì giống với quả Phật. Vả lại, soi chiếu cùng tận vượt xa nói là sâu xa (thâm), hoàn toàn không có đáy nói là rất (thậm), sâu thẳm vô cùng cho nên nói là rất sâu xa (thậm thâm). 2) Rộng lớn là nghĩa về chứa đựng, nghĩa về khắp nơi, nghĩa về không giới hạn; ở trước tức là sâu xa không có đáy, ở đây tức là rộng lớn không có bờ. Đây là gồm chung các pháp như Hữu vi-Vô vi, chủ động sinh-thụ động sinh, nhân-quả..., dựa theo riêng biệt để hiển bày. 3) Sánh bằng pháp giới là nghĩa về thắng thiện, đó là bởi

vì như pháp giới hoàn toàn rõ ràng, lại bởi vì đầy đủ tất cả các pháp như người-pháp, giáo-nghĩa, nhân-quả, lý-sự... 4) Sánh bằng hư không là nghĩa về nhân thiện, đó là bởi vì thành tựu nhân quả Vô thường-Ái cho nên giống như hư không. Bởi vì ở Địa tiền lược qua nhân quả Vô thường, lại cũng bởi vì sâu xa ở trên cho nên sánh bằng pháp giới, rộng lớn cho nên giống như hư không, hoặc đều gồm chung cả hai, hoặc khác với trên có thể biết. 5) Là nghĩa về không yếu hèn, bởi vì sinh ra từ trong chủng tánh Phật. Cũng là nghĩa giải thích về tên gọi của chủng tánh, lại cũng được chư Phật sinh ra từ trong tánh Bồ-tát. Lại là giải thích những câu trên, đó là vì sao có thể biết sâu rộng như pháp giới...? Giải thích rằng: Bởi vì là chủng tánh của ba đời chư Phật có thể sinh ra tất cả Bồ-tát...

Hai là trong phần hiển bày về tướng, có ba: Một-Nêu ra số để dẫn chứng, nghĩa là quả của chư Phật ba đời, tất cả đều nhờ vào nhân của Thập Trú mà cảm được, như con đường của nhà vua đi thẳng tắp không có ngã rẽ, cho nên nói là cùng thuyết giảng. Hai-Nêu ra tên gọi, nghĩa là tất cả trọn vẹn như nhau để trình bày về mười chủng. Ba-Kết luận về thuyết giảng.

Trong này, nghĩa về Thập Trú sơ lược đưa ra mười môn: Một-Giải thích tên gọi; hai-Phân rõ về Thể; ba-Trình bày về thân đã nương tựa; bốn-Hạnh đã thực hành; năm-Cảnh đã quán sát; sáu-Chướng đã lìa xa; bảy-Đức đã thành tựu; tám-Pháp đã nương nhờ; chín-Phần vị đã thấu nhiếp; mười-Quả đã thành tựu.

Một là giải thích tên gọi, có hai: Một-Tổng quát về tên gọi như trước giải thích. Trong riêng biệt: 1) Đó là dựa vào ngoại phạm, mười ngàn kiếp nay tu tập thiện căn của Tín thực hành đầy đủ phương tiện, đối với Đại Bồ-đề khởi tâm quyết định tiến vào phần vị không lui sụt, cho nên nói là Sơ phát tâm, Sơ phát tâm tức là Trú, là Trì nghiệp thích. Đây là Tín thành tựu phát tâm trong luận Khởi Tín. 2) Tập trung rèn luyện tâm này khiến cho lìa xa cấu nhiễm trở thành trong sáng, cho nên nói là Trị địa, nghĩa là rèn luyện sửa trị tâm địa. 3) Khéo léo quán sát Không-Hữu mà huân tu về Chánh hạnh, cho nên nói là Tu hành. 4) Chủng tánh tôn quý sinh vào nhà Phật, cho nên nói là Sinh quý, nghĩa là nương vào đây mà làm phần vị vô lậu. 5) Khéo léo không vướng vào Chân, khởi tâm Bi miễn đối với chúng sinh, kèm Chân tùy theo Tục, hai loại này hợp lại quán sát lìa xa giới hạn (biên) khéo léo đầy đủ, cho nên nói là Cụ túc, Trú này giống như Địa thứ năm khó kết hợp Chân-Tục mà có thể kết hợp. 6) Quán sát pháp không hai, đã dần dần thuần thực

nghe ca ngợi-hủy báng Phật... mà tâm không lay động, cho nên nói là Chánh tâm. Tâm tức là Chánh cho nên nói là Chánh tâm, lại Chánh là cảnh, tâm là trí, dùng tâm trú vào Chánh lý cho nên nói là Chánh tâm. 7) Chỉ và Quán cùng vận dụng, duyên không có thể hủy hoại, cho nên nói là Bất thối, Trú này giống như hai hành tướng của Địa thứ bảy. 8) Ba nghiệp sáng ngời lìa xa cấu nhiễm giống như trẻ thơ, hành động và tính cách của trẻ thơ có được mà pháp không có thể ngăn chặn, cho nên nói là Chân, Trú này giống như hạnh không có công sức vận dụng của Địa thứ tám. 9) Ứng với cơ khéo léo thuyết giảng, thừa kế nối dõi Pháp Vương, cho nên nói là Tử. Phần vị Thập Trú đầy đủ thì thành tựu Trí thân, dùng nước pháp của chư Phật để rưới trên đỉnh đầu của vị ấy, cho nên nói là Đảnh. Nếu dựa vào Viên giáo, thì phần vị Quán Đảnh này đầy đủ tức là thành Phật, lại không có Thập Hạnh..., như văn sau nói ở phần Tỳ-kheo Hải Tràng. Nếu theo giáo của Tam thừa thì không như vậy, chỉ là tướng của Giải chưa chứng được Chân, cho nên được tên gọi có ba, đó là Trú thứ tư-thứ tám-thứ chín-thứ mười thuận theo dụ làm tên gọi, Trú thứ bảy dựa theo lìa xa lỗi lầm mà được tên gọi, những Trú còn lại đều dựa theo công năng mà làm tên gọi, có thể biết.

Hai- Trình bày về Thể tánh thì đưa ra ba môn: 1) Dựa theo nơi nương tựa thì dùng Tam-muội Vô lượng phương tiện làm Thể, bởi vì dựa vào Định này mà nói về Thập Trú, cho nên về sau Luận nói: Tam-muội này vốn là Thể của pháp. 2) Dựa theo căn bản thì dùng chủng tánh rất sâu xa... trước đây làm Thể, bởi vì những chủng tánh ấy là Thể của Thập Trú này, nhưng tùy theo phần vị nói là mười, mà không có tánh riêng biệt. 3) Khắc tánh dựa theo duyên thụ động thì dùng hai đế Chân-Tục, dựa theo duyên chủ động thì dùng hai hành Bi-Trí, những hành quyển thuộc còn lại đều do loại này thấu nhiếp. Vả lại, cảnh Chân-Tục cùng dung hòa, Bi-Trí chỉ là một, hai loại này lại đầy đủ cùng dung hòa, pháp giới không có chướng ngại, đầy đủ đức tự tại là Thể của Trú. Đây là dựa theo Viên giáo phân rõ (còn lại đưa ra ở môn riêng biệt).

Trong phần năm là phần thuyết giảng, Thập Trú có hai phần: Một- Phần quả viên dung không thể nói được. Hai- Phần nhân tùy theo thuyết giảng có hai phần: 1) Dựa theo hành tự Thể của Phổ Hiền; 2) Dựa theo tướng phần vị của Phổ Hiền, phần này có hai phần: a) Phần vị A-hàm như phẩm này nói, b) Phần vị Chứng như phẩm Thập Địa nói. Nay ở đây chủ yếu nói đến phần vị A-hàm, trong đó có hai: Đầu là trình bày về phần vị thấu nhiếp Thể, sau là phân rõ về phần vị tùy theo Tướng.

Trong phần đầu giải thích về Thập Trú tức là mười đoạn, mỗi một

đoạn đều có hai, đó là trước nêu ra-sau giải thích. Trong giải thích đều có hai: Một- Tu hành là tướng riêng biệt của Trú, bởi vì trong mỗi một Trú đều tu một hạnh; hai-Quán giải là tướng riêng biệt của Trú, bởi vì các Trú đều có tướng giải ngộ. Trong phần một đều có hai: Đầu là hành thuộc Tự phần, sau là học mười pháp làm hành Thắng tiến. Trong hành Thắng tiến đều có hai: Trước là Chánh tu, sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về ý của tu. Trong đó vẫn tướng thứ nhất-thứ mười thêm vào bởi vì đầu là công hạnh vốn có cho nên dựa vào nhiều duyên, sau là phần vị đầy đủ cho nên công đức sâu rộng. Lại giải thích: Trong mỗi một đoạn đều có hai, đó là nêu ra và giải thích. Trong giải thích đều có ba: Một là trình bày về hành tiến vào Trú, hai là học mười pháp làm hành thanh tịnh của Trú, ba là Trú đầy đủ đạt được quả. Dựa theo Địa Luận thì các Địa đều có Nhân-Thể-Quả ngay trong nhau, tiến vào Trú là Nhân, thanh tịnh Trú là Thể, Trú đầy đủ là Quả, đều có thể biết. Nay lại dựa vào trước giải thích.

Trong Trú thứ nhất: Trước là nêu ra tên gọi, sau là giải thích về nghĩa.

Trong giải thích về nghĩa có hai: Trước trong hành riêng biệt có hai, trước là Tự phần, sau là Thắng tiến.

Trong phần trước có hai: Một là trình bày về hạnh căn bản, đó là phát tâm Bồ-đề làm căn bản của Thập Trú, chỉ chuyển tâm này dần dần tăng thêm thù thắng mà thành tựu các Trú sau. Hai là pháp đã đạt được.

Trong phần một: Đầu là sáu câu nêu ra duyên đã dựa vào của phát tâm, tiếp là một câu trình bày về Thể của tâm đã phát, tiếp là một câu trình bày về sự mong cầu của phát tâm, sau cuối là một câu trình bày về không lui sụt trở lại. Lại giải thích: Đầu là sáu câu giải thích về phát, tiếp là một câu giải thích về tâm, tiếp là một câu giải thích về Bồ-đề, sau cuối là một câu giải thích về nghĩa của Trú. Trong sáu câu trước, hai nơi nghe thuyết pháp: Đầu là nghe người khác thuyết giảng, sau là nghe Phật thuyết giảng. Lại đầu là trước nói tóm lược, sau là nói mở rộng. Lại đầu là nói về pháp của nhân, sau là nói về pháp của quả. Lại bày duyên phát tâm dựa theo phân rõ. Lại luôn luôn không quay lại là chọn lựa khác với ngoại phàm.

Hai là trong pháp đã đạt được: 1) Phần là nghĩa về nhân, đó là do sơ phát tâm mà đạt được nhân thành tựu về pháp của quả mười Lực, đây là dựa theo Thủ giáo phân rõ. 2) Phần là nghĩa chưa tròn vẹn, đó là do tiến vào Trú không lui sụt cho nên bắt đầu sinh vào nhà Phật, đạt

được một phần Thể của Phật, nghĩa là đối với mười Lực tùy phần mà đạt được, đây là dựa theo Chung giáo phân rõ. 3) Phần tròn vẹn vô ngại cho nên đạt được phần tức là đạt được tròn vẹn, nhưng bởi vì ngay trong môn Phổ Hiền phân rõ, là nhân mà không phải là quả, cho nên nói là phần. Trong này đối với Lưu tận cũng đạt được từng phần là dựa theo giáo mà biết. Lại mười Lực này, trong Tiểu thừa đến quả Phật mới đạt được, trong Tam thừa thì Địa thượng mới đạt được từng phần, Nhất thừa tiến vào phần vị liền đạt được.

Hai là trong Thắng tiến có hai: Trước là chính thức phân rõ, sau là giải thích thành tựu. Trong phần trước có mười câu: 1) Cúng dường chư Phật. 2) Ca ngợi các Bồ-tát có thể rời bỏ niềm vui của mình chịu đựng khổ đau để mong cầu quả vị. 3) Dùng pháp thù thắng vi diệu giáo hóa các chúng sinh, không để cho tâm họ rơi vào phần vị phàm phu Tiểu thừa, cho nên nói là bảo vệ, lại bảo vệ thiện căn làm cho được tăng trưởng. 4) Dựa theo tụng dưới là thứ ba thường ca ngợi Hiền Thánh, ở đây nói gần gũi thì đây là dựa theo Tự lợi, tụng dựa theo Lợi tha, đó là tiến lên mà thường ca ngợi. 5) Ca ngợi pháp thanh tịnh vi diệu, các ma không phá hoại cho nên biết là không lui sụt. 6) Dùng công đức của Phật để an lập Bồ-tát, cho nên nói là tu, điều này thuận với tụng. 7) Khéo léo giáo hóa chúng sinh làm cho được thấy Phật, cho nên nói là ca ngợi sinh ở trước chư Phật. 8) Cố gắng tu Tam-muội để chỉ dạy chúng sinh, cho nên nói là phương tiện. 9) Chuyển vòng xoay diệu pháp, diệt vòng xoay sinh tử, cho nên nói như vậy. 10) Làm nơi trở về trong lành cho chủng loại khổ đau sinh tử.

Lại giải thích: 9) Khiến cho lìa xa Vô thường-Khổ, 10) Khiến cho chúng sinh đạt được Thường-Lạc. Mười câu này đều dựa theo văn tụng ở sau mà biết rõ.

Hai là trong giải thích về ý, trước là nêu ra-sau là giải thích. Nêu ra rằng phát tâm Bồ-đề rồi, vì sao lại cần phải học mười hạnh này? Giải thích có ba nghĩa: 1) Bởi vì muốn khiến cho tâm này càng thêm thù thắng; 2) Bởi vì khiến cho kiên cố; 3) Bởi vì khiến cho thành tựu quả. Lại một là khiến cho nhân của Tự phần vững chắc, hai là Thắng tiến càng tăng thêm, ba là cuối cùng thành tựu quả Phật, cho nên cần phải học.

Hai là trong tướng giống nhau trình bày về ngộ cần phải nhờ vào duyên, cho nên nói là có pháp được nghe; hiểu biết từ bên trong phát ra, cho nên nói là tỏ ngộ không nhờ vào nơi khác. Nhưng nghĩa về nơi khác có ba: Một là giáo Tiểu thừa, hai là ở ngoài tâm, ba là ở ngoài tánh. Tự

hiểu cũng có ba, ngược lại với trước có thể biết. Vì vậy văn sau nói tuy biết tất cả pháp, tổ ngộ không nhờ vào nơi khác, mà cầu thiện tri thức không hề có thỏa mãn đầy đủ. Trong các Trú sau tùy theo phần vị dần dần tăng thêm, nghĩa đều giống như ở đây.

Trong Trú thứ hai: Một- Mười tâm trong Tự phần có hai nghĩa, một là hễ đối với một chúng sinh thì khởi lên mười tâm này bởi vì hiển bày về vô tận, hai là bởi vì phân rõ về tướng sai khác của mười tâm cho nên trình bày ở nơi mười loại chúng sinh mà khởi lên: 1) Đối với chúng sinh oán ghét thì không nghĩ đến trả thù. 2) Đối với chúng sinh nhận chịu đau khổ. 3) Đối với chúng sinh thiếu thốn vật dụng sinh hoạt. 4) Vì chúng sinh bất thiện khiến cho trú vào thiện hạnh, Luận nói An là thuộc về nhân, Lạc là thuộc về quả. 5) Đối với chúng sinh đạt được nhân Thiện-quả Lạc. 6) Đối với chúng sinh có lưu chuyển, hóa độ khiến cho phát tâm. 7) Đối với chúng sinh mới phát tâm. 8) Đối với chúng sinh tu đạo Bồ-tát thiếu kém hơn mình thì thâm nhiếp khiến cho giống như mình, 9) Người giúp mình học hỏi thì tôn sùng giống như bậc thầy. 10) Người đức có phần hơn mình thì tôn kính giống như đối với Đức Phật. Mười tâm này đều giải thích như trong Tập quả của Địa thứ hai.

Hai, Mười hạnh trong Thắng tiến, một hạnh đầu là tổng quát, nghĩa là nếu không đa văn thì hành không có chỗ dựa, lại lấy gì để giáo hóa chúng sinh, cho nên cần phải tu tập; chín hạnh còn lại là riêng biệt: 1) Nêu ra ý mong cầu đa văn, lại là rời bỏ ham muốn của mình. 2) Gần gũi thiện hữu. 3) Thuận theo sự chỉ dạy ấy. 4) Không thưa hỏi không đúng lúc. 5) Không sợ không đạt được pháp, lại không sợ pháp sâu xa. 6) Hiểu về nghĩa sâu xa. 7) Thông hiểu Chánh giáo. 8) Ở trong giáo nghĩa chọn lấy pháp để tu hành. 9) Dựa vào pháp đích thực tu tập, lìa xa chướng ngại, thành tựu công đức, cho nên nói là bất động. Văn sau giải thích rằng dùng mười hạnh này tu tập Từ Bi đối trị... khiến cho càng thêm nhiều, cho nên cần phải tu tập.

Trong Trú thứ ba: Một, Mười câu thuộc Tự phần là hành bảo vệ phiền não, nghĩa là trong này khiến cho hành không dừng lại, vì vậy tổng quát trình bày về nghĩa Vô thường: 1) Một câu đầu là tổng quát, Vô thường là không có vật gì có thể là Thường, đó là tự tánh không có thật, ba tánh như Vô thường... dựa theo đây. 2) Khổ đó là năm Uẩn hoàn toàn trống rỗng là Khổ... 3) Không đó là ba vô tánh-chân lý Không... 4) Vô ngã đó là không có hai Ngã, Lại đối với Ngã-Vô ngã mà không hai..., đầy đủ như Yếm-đề-già nói. 5) Hệ thuộc nhân duyên không thể nào tự có tồn tại. 6- Pháp thế gian là tướng bất tịnh xấu ác hư vọng, lại

bởi vì mau chóng diệt mất cho nên niềm vui không đến được. 7) Thành tựu không có gì tụ tập, hư hoại không có gì phân tán. 8) Không có thật nhưng làm tên gọi, lại không có thể dừng lại trong khoảnh khắc. 9) Tướng có mà Thể không có gọi là hư, chấp hư làm thật gọi là vọng; lại không có thật cho nên hư, giả làm thật cho nên vọng. 10) Pháp thế gian mau chóng diệt mất, cho dù dụng tâm ngăn ngừa bảo vệ mà cũng không có thể làm cho tồn tại. Lại giải thích: Trong duyên không có lực cho nên nói là không có tinh cần, bởi vì không có lực cho nên không có hòa hợp, không có hòa hợp cho nên không có kiên cố. Mười loại Vô thường này như trong luận giải thích về Địa thứ ba.

Hai, Mười câu trong phần Thắng tiến là hành bảo vệ Tiểu thừa, trong đó một câu đầu là tổng quát, nghĩa là phân biệt giả danh không thật... của chúng sinh, lại phân biệt chủng loại sai biệt..., chín câu còn lại là riêng biệt: Câu một là biết về pháp giới nhiệm tịnh-hoặc nghiệp của chúng sinh sai biệt; câu hai là biết về nơi chốn nương tựa khác nhau của chúng sinh; tiếp bốn câu là biết về bốn Đại thành tựu chúng sinh khác nhau; tiếp ba câu là biết về ba cõi khác nhau, chúng sinh thô tế khác nhau. Lại giải thích: Câu thứ ba là tổng quát biết về y báo, tiếp đến bốn Đại là đưa ra Thể của căn khí, tiếp đến ba cõi là phân rõ về Tướng của căn khí, đều phân biệt tức là trống rỗng và sai biệt... Trong giải thích nêu ra rằng trước đây chỉ có quán về Vô thường-Không..., vì sao lại khởi lên phân biệt như vậy? Giải thích rằng bởi vì ngay nơi trống rỗng mà phân biệt về sự mới làm cho Tuệ sáng suốt rõ ràng.

Trong Trú thứ tư: nêu ra và giải thích tên gọi có thể biết. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Từ miệng Phật sinh ra, từ pháp giáo hóa sinh ra...” Một-Mười câu về Tự phần giống như mười loại Pháp trí trong Địa thứ tư. Ba câu đầu là thâm nhiếp tâm tiến vào lý để tu về hạnh Chỉ: 1) Chứng tâm hướng về Phật; 2) Tận cùng nguồn gốc của pháp; 3) An tâm phù hợp với pháp. Bởi vì đây là dựa vào phần vị xuất thế, đối với Tam Bảo đạt được Tín thanh tịnh bất hoại.

Bảy câu sau là soi chiếu thông hiểu sự tướng để tu về hạnh Quán: 1) Phân tích về chủng loại đã giáo hóa có nhiều loại; 2) Ứng với cơ hiện rõ quốc độ sai biệt không phải là một; 3) Y báo nhiệm tịnh của chúng sinh khác loại; 4) Nghiệp có thiện ác không giống nhau; 5) Quả có khổ vui khác nhau; 6) Sinh tử có bảy loại sai biệt; 7) Niết bàn có hai-bốn-năm khác nhau. Đều đối với những loại này phân tích mà hiển bày về Không và tụ loại sai biệt, hai nghĩa dựa theo đây. Lại giải thích: Trong bảy câu, một câu là tổng quát nêu ra Chánh báo nhiệm tịnh, tiếp hai câu

là Y báo nhiễm tịnh, tiếp hai câu là nhân quả nhiễm tịnh, tiếp hai câu là phần vị nhiễm tịnh có thể biết.

Hai, Mười câu trong phần Thắng tiến: Ba câu đầu là tìm tòi suy nghĩ để chọn lựa, ba câu tiếp là chọn lựa rồi chính thức tu tập, ba câu tiếp là tu tập đã thành tựu đầy đủ, một câu sau cuối là tổng quát kết luận không có hai. Lại giải thích: Ba câu đầu là Giáo pháp, ba câu tiếp là Hành pháp, ba câu tiếp là Quả pháp, một câu sau cuối là Lý pháp. Nêu ra giải thích có thể biết.

Trong Trú thứ năm:

Một, Trong Tự phần, một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trú thứ hai trước đây phát khởi tâm này, Trú này nêu ra thiện căn, hiển bày việc đã làm dần dần chín muồi cho nên riêng biệt. Trong chín câu riêng biệt: 1) Khiến cho tu thiện hạnh; 2) Khiến cho đạt được quả vui sướng; 3) Không khiến cho đắm vào vui sướng; 4) Khiến cho tu đạo xuất thế; 5) Khiến cho nơi đã sinh ra xa lìa tám nạn..., lại khiến cho xa lìa những nạn như phiền não-nghiệp...; 6) Cuối cùng mong muốn khiến cho ra khỏi các khổ như Phần đoạn-Biến dịch...; 7) Chỉ rõ dùng Chánh pháp để diệt trừ không tin và nghi ngờ cho nên vui mừng; 8) Trao cho ba Học để khống chế điều phục đi đến tu tập; 9) Khiến cho đạt được quả của Học, cũng là bảy Trí-tám Định.

Hai, Mười quả Đoạn trong Thắng tiến về Học: 1) Bởi vì không có đối trị cho nên sinh tử không giới hạn; 2) Đây là dựa theo quá khứ-vị lai cho nên làm thành hai câu; 3) Dựa theo Khổ hiện tại; 4) Dựa theo mười phương, lại dựa theo Thể tánh, lại dựa theo căn dục; 5) Dựa theo hai cõi dưới; 6) Dựa theo cõi Vô sắc, lại dựa theo nhiều chủng loại; 7) Dựa theo tánh Sở chấp; 8 và 9) Dựa theo tánh Y tha, nghĩa là câu trước dựa vào duyên, câu sau không có thật, lại đầu là không có tánh-sau tựa như có; 10) Dựa theo Như Lai Tạng Không trong Viên thành thật để phân rõ. Lại 7) Dựa theo Vô tướng, 8) Dựa theo Vô sinh, 9) Dựa theo Vô tánh, 10) Tổng quát kết luận về ba Vô tánh.

Sau là trong giải thích về không có nhiễm trước có hai nghĩa: 1) Đã dùng thiện căn cứu giúp thân nhiếp chúng sinh, dùng pháp Học nhận biết về chúng sinh vô biên... cho nên tâm không vướng vào phạm vi giới hạn..., tức là hai tâm rộng rãi và bình thường. 2) Học nhận biết về Không... cho nên không chấp trước, thật là tâm không điên đảo, bởi vì những pháp Học này làm cho Từ Bi... trước đây mới có thể thuận theo lý thực hành tăng lên, vì vậy cần phải học.

Trong Trú thứ sáu: Mười câu trong Tự phần, bốn câu đầu dựa

theo tâm cung kính Tam Bảo mà tu pháp quán bình đẳng, ba câu tiếp dựa theo tâm thương xót chúng sinh mà tu pháp quán bình đẳng, ba câu sau dựa theo nhận biết về pháp giới mà sáng tỏ về pháp quán bình đẳng. Bởi vì lời khen ngợi-chê bai đều từ duyên khởi và không có tự tánh, lý của Vô tánh là cảnh quán này, cho nên Bất động gọi là Chánh tâm trú. Lại nữa, Phật có đủ công đức thù thắng thì lý nên ca ngợi, cho nên nghe ca ngợi không lay động, nếu chấp Phật là có tình thức thì đã trái với Chánh lý, cho nên nghe chê bai không lay động. Vả lại, tướng chê bai làm cho không còn, lý ca ngợi làm cho hiển bày, cho nên đều là Bất động. Vì vậy trong kinh Thương Chủ Thiên Tử nói: “Lại tiếp tục hỏi Văn Thù Sư Lợi: Nếu lại có người chê bai điều Đại Sĩ đã nói thì lúc ấy sẽ thế nào? Đáp rằng: Sẽ hưởng về Niết-bàn. Lại hỏi: Vì sao đưa ra cách nói như vậy? Đáp rằng: Tất cả không có, ngôn ngữ không chê bai mà có thể đến được trong giải thoát của bậc Thánh, nguyên cố thế nào? Bởi vì trong Thánh đạo ấy không có danh tự-chương cú-ngôn ngữ có thể giảng giải-có thể nêu rõ, nếu không tin thì những người ấy sẽ không giải thoát. Lại hỏi: Vì sao đưa ra cách nói như vậy? Đáp rằng: Bởi vì không thể nào đã được giải thoát lại tiếp tục được giải thoát, lại bởi vì pháp giới tùy theo chứng có sâu cạn, cho nên nói là lượng-vô lượng, thế giới nhiều cho nên nói là pháp giới thành-hoại.” Vì vậy trong tụng nói thế giới thành-hoại, Không-Bất Không là có-không có. Bởi vì đạt được mười loại tâm quyết định này, cho nên đối với duyên nghịch thuận đều không thể nào lay động. Ở trong phần vị này có thị hiện lui sụt, là bởi vì dẫn dắt sơ tâm lười nhác..., như Xá-lợi-phất Pháp Tài Vương..., cho nên Trú thứ bảy mới gọi là Bất thối.

Trong mười Thắng tiến: 1,2,3) Ba loại đầu dựa theo quán ba Vô tánh; 4) Dựa theo hoặc nghiệp; 5) Dựa theo quả báo; 6) Dựa theo chủ động hiện bày; 7) Dựa theo thụ động hiện bày; 8) Không có Thể; 9) Hiện bày chân thật; 10) Duyên tụ tập. Lại giải thích: Mười loại này đều lần lượt chuyển tiếp giải thích về nghi ngờ. Người nghi ngờ nghe về pháp Sở chấp không có tướng liền cho rằng Y tha là có. Giải thích là bởi vì thuận theo duyên không có tánh. Lại nghi ngờ đã không có Y tha, Chân như ở trong ràng buộc lẽ nào không cần phải tu để hiển bày hay sao? Giải thích là bởi vì tánh thanh tịnh cho nên không cần phải tu. Lại nói rằng Chân nếu là tánh thanh tịnh thì nghiệp-phiền não... lẽ nào không đoạn trừ hay sao? Giải thích là bởi vì không vốn có. Nghi ngờ rằng nếu như vậy thì vì sao hiện tại có Y-Chánh quả báo? Giải thích là bởi vì dựa vào Chân mà không thật. Lại nói nếu pháp thế gian

không thật thì chân lý làm chỗ dựa cho các pháp, điều này phải là có? Giải thích là bởi vì như hư không làm chỗ dựa cho Sắc..., nhưng tự Thể không phải là có. Lại nói chỗ dựa nếu không có thì các pháp tự động dựa vào lẽ ra phải có? Giải thích là bởi vì Y tha không có tự tánh. Lại nói nếu như vậy thì lẽ ra hủy hoại nghiệp quả? Giải thích là bởi vì như huyễn. Lại nói nếu như vậy thì người thế gian sao không thấy là huyễn mà thấy là thật? Giải thích là bởi vì còn trong mộng. Lại nói mộng thì thấy cảnh mộng, tỉnh rồi thì không thấy, pháp thế gian không phải như vậy, phàm Thánh cùng thấy? Giải thích là như tiếng vang tuy lớn nhỏ đều nghe, nhưng hiểu rõ và không hiểu rõ khác nhau. Nguyên cơ thế nào? Hỏi rằng trước nghe mười pháp thì tâm nhất định không lay động, đã thuận với Chánh lý, đâu cần phải trở lại quán như vậy...? Giải thích là bởi vì muốn tiếp tục tiến sâu vào khiến cho đạt được Nhẫn không lui sụt của phần vị sau.

Trong Tự phần của Trú bất thối thứ bảy: Tâm kiên cố không lay chuyển cùng với Chánh tâm trước đây khác nhau thế nào? Giải thích là trước đây Chánh tâm tiến vào lý, nay lý-sự không lui sụt, bởi vì từng niệm thuần thực cùng hiện rõ trước mắt, cho nên giống như Địa thứ bảy. Lại có thể phần vị trước thông hiểu sự tiến vào lý, đây là cùng hành; phần vị sau từ lý hướng về sự, bởi vì dần dần thuần thực. Do đó, phần vị trước chỉ ở nơi Tam Bảo... nghe ca ngợi không vui mừng, nghe chê bai không buồn rầu, hãy còn chưa có thể nghe về có và không có, bởi vì không chịu nổi. Trong Trú này nghe về có-không lợi-hại, càng thêm kiên cố không lay động, cho nên hơn hẳn so với trước. Trong này dựa theo lý là không có, dựa theo sự là có, bởi vì có này tức là có của không có. Nghe có cũng có thể không có, không bị có làm cho lay động; bởi vì không có tức là không có của có, nghe không có cũng có thể có, không bị không có làm cho lay động. Bởi vì đạt được hai hành cho nên như vậy. Lại dựa theo ba tánh để giải thích về có-không có. Lại không ra khỏi sinh tử là bởi vì không có thể ra, bởi vì Đại Bi cho nên không rời bỏ. Lại bởi vì ba đời cùng là Như, một tướng không hủy hoại sai biệt cho nên không phải là một.

Trong Thắng tiến có mười pháp-năm cặp: Một- Một và Nhiều ngay trong nhau. Hai- Giáo và Nghĩa dựa vào nhau, vị là giáo. Ba- Có và Không có vô ngại: 1) Sở chấp về lý không có là không phải có, ngay nơi tình này có cho nên là có; 2) Có lý không có này, cho nên không phải có là có; 3) Dựa theo lý pháp, đó là không phải tình có mà là lý có; 4) Y tha tựa như có cho nên không phải là có, có pháp có này bởi

vì là có; 5) Y tha Vô sinh là không phải có, không hoại tựa như có cho nên là có; 6) Có pháp Vô sinh này cho nên dựa theo đây; 7) Chân như lìa tướng cho nên không phải là có, có pháp Chân này cho nên là có; 8) Không Chân như là không phải có, ngay nơi Bất Không này là có; 9) Tánh thuộc Vô tánh là không phải có, có tánh này là có; 10) Tùy theo nhiệm ẩn kín cho nên không phải là có, tánh vốn thanh tịnh cho nên là có. Có là không phải có thì ngược lại với mười nghĩa trước, nên biết. Bốn-Tướng và Phi tướng vô ngại. Năm-Tánh và Phi tánh vô ngại. Đều có đủ mười nghĩa, thuận nghịch giống như trước dựa theo biết rõ. Lại giải thích: Ba cặp sau dựa theo ba tánh-ba vô tánh, như thứ tự nên biết. Giải thích trong pháp Học, muốn làm cho hai hành vô ngại khéo léo tròn vẹn đầy đủ, cho nên nói là cụ túc...

Trong Trú thứ tám: Nghĩa là thuận theo lý hướng về sự mà không sai lý, cho nên nói là tâm được an lập. Trong Tự phần: Đầu là ba nghiệp vô nhiễm, là Thể của đồng chân, bởi vì không sai lạc chân lý khiến cho sự thanh tịnh, là hành thuộc Tự lợi, còn lại là hành thuộc Lợi tha. Bởi vì ba nghiệp thanh tịnh, cho nên có thể thọ sinh tự tại. Biết các tâm như Tín..., thuận theo tâm khởi lên ham muốn vui thích, quen ham muốn rồi thành tánh, dựa vào tánh mà tạo nghiệp, đều nói như phần về mười rừng rậm trong Địa thứ chín. Lại như phẩm Phát Tâm Công Đức nói, nhận biết về hai mươi kiếp thành... của Khí thế giới, lại nhận biết tự tập cho nên thành-phân tán cho nên hoại... Thần thông tự tại là tổng quát kết luận về Dụng thù thắng của ba nghiệp.

Trong Thắng tiến: Sáu câu đầu là cảnh bên ngoài tự tại, bốn câu sau là tự thân tự tại. Lại giải thích: Bảy câu đầu là trình bày về pháp Học rộng rãi nhận biết ba nghiệp rộng lớn, ba câu sau trình bày về ba nghiệp tự tại. Trong phần đầu, trước là trình bày về ý nghiệp, trong đó: 1) Tổng quát nhận biết về cảnh (khí); 2) Nhận biết về mình có thể sử dụng; 3) Tuy sử dụng nhưng dùng nguyện lực duy trì khiến cho không hư hoại, lại duy trì khiến cho sử dụng bình thường; 4) Quán sát điều ấy tức là Chân..., lại quán nhiệm tịnh sai biệt, bởi vì sắp đi đến nơi; 5) Trình bày về thân nghiệp, nghĩa là quán sát rồi cần phải đi đến nơi đó; 6) Không những theo thứ tự đi đến, mà cũng có thể cùng lúc đến khắp nơi. Cõi Phật chẵn chẵn có Phật, thế giới bao gồm có Phật và không có Phật. 7) Trình bày về ngữ nghiệp, nghĩa là nếu đến nơi có Phật thì có thể thưa hỏi Đức Phật về diệu pháp, nếu đến cõi không có Phật thì có thể khéo léo giải đáp mọi chất vấn, trong bản khác giống như sau giải thích. 8) Trình bày về thân nghiệp tự tại, nghĩa là không những một thân

đến nhiều thế giới, mà còn có thể biến hóa trở lại làm ra nhiều thân thành tựu thân nghiệp pháp giới; 9) Ngữ; 10) Ý; đều thành tựu về Dụng thù thắng tự tại của pháp giới có thể biết. Trong phần sau là nêu ra giải thích, trình bày hệ đối với tất cả các pháp thì có thể khéo léo sử dụng tự tại, bởi vì thành tựu viên mãn.

Trong Trú thứ chín: Giống như Thiện Tuệ địa, ở trong Tự phần: 1) Hiểu rõ sáu nẻo tức là rừng rậm của hành Sinh; 2) Là rừng rậm của hành Sử; 3) là rừng rậm của hành Tập khí. Ba loại trên là chúng sinh đã giáo hóa; 4) Là trí phương tiện chủ động giáo hóa; 5) Là trí thành tựu hiểu rõ về thuốc pháp; 6) Biết rõ nghi thức hóa đạo, chỉ rõ oai nghi của Pháp sư; 7) Hiểu rõ nơi giáo hóa, nghĩa là trú xứ của chúng sinh đã giáo hóa; 8) Hiểu rõ thời gian giáo hóa, nghĩa là bởi vì biết về ba đời như thời gian chưa chín muồi-đã chín muồi... của căn cơ được giáo hóa; 9) Không thay đổi giới hạn của chân thật (chân tế) mà kiến lập các pháp; 10) Không hủy hoại giả danh mà nêu rõ thật tướng của các pháp.

Trong phần Thắng tiến, đã là con của bậc Pháp Vương cho nên cần phải học để nhận biết trú xứ... của Pháp Vương. Trong đó, một-Trú xứ có tám: 1) Dựa theo Pháp thân thì không có trú xứ; 2) Dựa theo Trí thì trú vào chân lý tức là trú vào nơi không hề trú; 3) Dựa theo Báo thân thì trú trong các Tịnh độ; 4) Dựa theo hạnh đức thì trú trong bốn Phạm-ba Không và điện Từ Bi...; 5) Dựa theo Hóa thân thì trú trong nước Ma-kiệt...; 6) Dựa theo mười Phật thì trú trong quốc độ hải; 7) Trú trong Hoa Tạng giới...; 8) Trú trong pháp giới không có chướng ngại. Hai-Khéo léo nhận biết bốn oai nghi hóa hiện bên ngoài, nghĩa là tùy theo chúng sinh cần phải đi thì đi... Ba-Khéo léo nhận biết nơi chốn của bậc Pháp Vương an lập, nghĩa là do cơ cảm và Bi nguyện khởi lên cho nên thân độ mới hiện bày, cho nên nói là an lập, bản khác gọi là hưng lập. Bốn-Khéo léo chứng chân lý, lại khéo léo dựa vào ứng cơ. Năm-Dựa vào chứng đấng khởi thuyết giảng, lại dựa vào cơ phân tích riêng biệt. Sáu-Biết Đức Phật dùng nước Trí rưới trên đỉnh đầu Bồ-tát đạt được phần vị... Bảy-Biết Chánh pháp của Phật nên lấy gì để duy trì mà có thể thọ trì. Tám-Biết mười Vô úy của Phật giải đáp chất vấn không sợ hãi... Chín-Biết Phật ở thế gian không nhiễm, lại không đắm vào biện tài... Mười-Biết ca ngợi quý tặc của Phật, lại biết thật đức đáng ca ngợi của Phật. Trong giải thích là bởi vì đạt được 40 trí Vô ngại của Địa thứ chín.

Trong Trú thứ mười, Tự phần có hai: Trước là mười câu hiển bày về trí đã thành tựu, sau là mười câu ca ngợi về đức thù thắng. Trong

phần trước, năm câu đầu trình bày về trí thế giới vô ngại: 1) Tùy tâm xoay chuyển; 2) Ánh sáng chiếu rọi giác ngộ; 3) Nguyện cùng tùy ý duy trì; 4) Tự tại tiến vào khắp nơi; 5) Nơi đến đều trang nghiêm. Ba câu tiếp là trí nhận biết tâm hành của chúng sinh: 6) Nhận biết về tâm; 7) Nhận biết cảnh giới hiện hành của tâm; 8) Nhận biết về căn hải. Hai câu sau là trí trao truyền pháp: 9) Thuận theo căn trao cho pháp; 10) Khiến cho diệt trừ phiền não thành tựu công đức, cho nên nói là điều phục. Lại cũng đầu là nêu ra ý, sau là giải thích thành tựu. Đó là hóa độ như thế nào? Vốn là dùng ba pháp Học để điều phục.

Hai là trong mười câu phân rõ về đức thù thắng, bốn câu đầu trình bày về thân nghiệp không thể nào biết được tức là nghĩa về Nghiệp tự tại, sáu câu sau là tâm trí không thể nào biết được tức là nghĩa về Trí tự tại. Trong bốn câu đầu: 1) Thân sắc vi diệu; 2) Dựa vào thân khởi lên nghiệp thù thắng; 3) Biến hiện kỳ lạ; 4) Lạ lùng vô ngại.

Lại giải thích: 1) Thể của thân; 2) Dụng; 3) Thể của thần túc; 4) Dụng. Đều không thể nào biết được, bởi vì sự tức là giống như lý mà hiển bày sự, lại bởi vì hiển mật sử dụng khắp nơi. Trong sáu câu sau: Ba trí đầu là cùng tận ba đời, tức là ba trí thông hiểu vi diệu, nhận biết tất cả thời gian; bốn là trí trang nghiêm thanh tịnh quốc độ, tức là trí tự tại về Khí thế gian, nhận biết tất cả mọi nơi; năm là trí tự tại về Chúng sinh thế gian, bởi vì nghiệp nhiễm tịnh-tâm tập khởi là chúng sinh; sáu là trí tự tại về Trí chánh giác thế gian. Lại giải thích: Tâm tức là Định, sau là Tuệ. Lại giải thích: Tâm cảnh là Tục đế, bởi vì là Tập khởi, tức là trí vốn có của chín loại trên; cảnh là Chân, bởi vì chiếu rọi lý, tức là kết luận quy về Chân. Bởi vì Chân-Tục này vô ngại cùng chiếu rọi như gương treo cho nên đều không thể nào biết được. Sau là chọn lựa xác định phần vị ấy, nói là lẽ nào có thể cùng phần vị Bồ-tát và Phật cũng không biết hay sao? Nay giải thích như văn.

Sau là trong mười Thắng tiến, học về Nhất thiết trí-Nhất thiết chủng trí của Phật, ngay nơi phần vị ấy đầy đủ Quán đảnh làm Phật, bởi vì thâm nhiếp các phần vị đều đầy đủ; như sau ở phẩm Nhập Pháp Giới, Tỳ-kheo Hải Tràng đảnh lễ nơi Đức Phật thuyết pháp mà nhận biết. Một- Dựa theo văn tụng sau tổng quát học về trí của chư Phật ba đời; hai- Học về trí Giáo pháp của Phật; ba- Trí về Lý pháp; bốn- Trí về lý sự nhiều môn vô ngại; năm- Trí về Đại Dụng rộng khắp mọi nơi; sáu- Trí về đối với duyên soi chiếu tỏ ngộ; bảy- Trí về thế giới nương tựa duy trì; tám- Trí về phía dưới cùng cùng tận thế giới chúng sinh; chín- Trí về phía trên tận cùng quả Phật; mười- Trí về quả đức nhiều môn. Trong

này, Quán đảnh có nghĩa về tiếp nhận chức vụ, cùng với Pháp Vân địa sai khác như nhau...

Trong phần sáu là phần chứng thành, có hai: Trước là hiển bày chân thật, sau là chứng minh thành tựu. Hai phần này đều có hai: Trước là cội này, sau là kết luận nối thông.

Trong phần hiển bày chân thật, trong cội này có ba: Một- Trong mặt đất rung động: 1) Nhân rung động, 2) Nơi rung động, 3) Tướng rung động. Hai- Mưa cúng dường tức là thân nghiệp. Ba- Phát ra âm thanh tức là ngữ nghiệp, dùng pháp để dựa theo.

Trong phần chứng minh thành tựu, trong cội này có bốn: Một, Bồ-tát đến nơi này, trong đó có nguyên nhân đến, nơi đến, người đến. Hai, phát ra lời ca ngợi. Ba, trong thuật rõ đã dẫn ra chứng minh, một là người thuyết giảng như nhau, hai là nơi chốn như nhau, ba là chủ như nhau, bốn là nghĩa như nhau, năm là chúng như nhau, sáu là giáo như nhau. Bốn, hiển bày về ý đưa ra là chính thức kết luận về thành tựu chứng đắc.

Trong phần bảy là phần kệ tụng, dùng bốn câu làm thành một tụng, tức là có 101 tụng rưỡi, phân hai: Đầu có 92 tụng rưỡi, tụng về pháp của Thập Trú trước đây; sau có 9 tụng kết luận ca ngợi khuyến khích tu tập.

Trong phần trước tụng về Thập Trú tức là mười đoạn. Ngay trong Trú thứ nhất có 46 tụng, trong đó phân bốn: Một có ba tụng về Duyên và Thể của phát tâm trước đây; hai có 32 tụng về đạt được một phần của mười Lực; ba từ “Bồ-tát như thị phát tâm...” trở xuống có mười kệ tụng về mười pháp cần phải học; bốn từ “Thị thuyết Bồ-tát...” trở xuống có một kệ tụng về tổng quát kết luận. Trong phần hai cũng có ba: a) Mười tụng về hành của mười Lực; b) Có hai tụng về phát tâm cầu pháp thuộc hai Đế đã nhận biết; c) Từ “Chấn động...” trở xuống là 20 tụng về phát tâm vì cầu ba nghiệp của Phật, trong đó một là mười tụng về thân nghiệp, hai từ “Thập phương...” trở xuống là ba tụng về ngữ nghiệp, ba từ “Nhất thiết thập phương...” trở xuống là sáu tụng về ý nghiệp, bốn là một tụng về kết luận ca ngợi. Lại ba nghiệp rộng lớn này là pháp đã đạt được trong Trú này, đó là ba nghiệp tùy theo trí hành... Trong ba tụng về Thắng tiến đã học, Giáo không lui sụt là thuyết giảng về Giáo thuận với Chánh lý không thay đổi, lại thuyết giảng về Giáo tiến vào phần vị này là nghĩa không lui sụt, lại bởi vì thuận theo Giáo pháp này nhất định không lui sụt; trước là Trì nghiệp thích, hai loại sau là Y chủ thích.

Ở trong mười pháp Thắng tiến trước đây, mười tụng theo thứ tự

đều tụng về một pháp, một tụng sau cuối là tổng quát kết luận, đều có thể biết.

Trong Trú thứ hai có sáu tụng, hai tụng đầu về Tự phần, bốn tụng sau về Thắng tiến. Trong Trú thứ ba có năm tụng, hai tụng đầu về Tự phần, ba tụng sau về Thắng tiến. Trong Trú thứ tư có sáu tụng, ba tụng đầu về Tự phần, ba tụng sau về Thắng tiến. Trong Trú thứ năm có bốn tụng rưỡi, ba tụng đầu về Tự phần, một tụng rưỡi sau trình bày về Thắng tiến. Trong Trú thứ sáu có năm tụng, bốn tụng đầu về Tự phần, một tụng sau về Thắng tiến. Trong Trú thứ bảy có bốn tụng, hai tụng đầu về Tự phần, hai tụng sau về Thắng tiến. Trong Trú thứ tám có năm tụng, ba tụng đầu về Tự phần, hai tụng sau về Thắng tiến. Trong Trú thứ chín có ba tụng, hai tụng đầu về Tự phần, một tụng sau về Thắng tiến. Trong Trú thứ mười có tám tụng, năm tụng đầu về Tự phần, một tụng tiếp hiển bày về đức, hai tụng sau về Thắng tiến.

Trong đoạn lớn thứ hai là kết luận ca ngợi khuyến khích tu tập, có chín tụng phân ba: Một có một tụng tổng quát ca ngợi về Thập Trú, hai có bảy tụng riêng biệt ca ngợi về Trú thứ nhất, ba có một tụng dùng Trú thứ nhất tăng lên tương tự hiển bày về Trú sau.
